

# VÀI NÉT VỀ TRƯỜNG HẬU BỔ Ở HÀ NỘI (1897-1917)

ĐÀO THỊ DIỄN\*

**T**rong một số ít các bài nghiên cứu đã công bố từ trước đến nay, người đọc chỉ biết một vài thông tin về Trường Hậu bổ như Trường được thành lập để đào tạo tri phủ, tri huyện, huấn đạo, giáo thụ. Đến năm 1912 Trường đổi tên thành trường Sĩ hoạn (*École Mandarins*), thời gian học trong 3 năm...

Để giúp người đọc có thêm thông tin, bài viết này xin được cung cấp những nét cơ bản về mục đích thành lập, cơ cấu tổ chức cũng như quá trình hoạt động của Trường Hậu bổ (*École d'Administration*), một trường có lịch sử ít nhiều gắn với nền giáo dục Pháp - bản xứ ở Việt Nam cuối thế kỷ thứ XIX.

## I. BỐI CẢNH RA ĐỜI TRƯỜNG HẬU BỔ Ở HÀ NỘI

Tháng 6-1886, Paul Bert được cử giữ chức Tổng Trú sứ Trung-Bắc Kỳ.

Để trực tiếp cai quản Bắc Kỳ và có lập triều đình Huế nhằm nhanh chóng thiết lập nền thống trị của Pháp trên toàn đất nước Việt Nam, Paul Bert đã thực hiện một thủ đoạn trong chính sách cai trị, đó là tách Bắc Kỳ ra khỏi sự kiểm soát của triều đình Huế bằng cách thiết lập chức Kinh lược Bắc Kỳ. Trong 11 năm tồn tại (1886-1897), Kinh lược Bắc Kỳ đã có nhiều cộng tác với chính quyền thuộc địa ở nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục.

Vốn là một nhà giáo dục nổi tiếng của Pháp nên ngay sau khi đặt chân tới Hà Nội, cùng với lời tuyên bố: "*Người Pháp đến đây là để nâng cao đời sống nông nghiệp, công nghiệp, kinh tế và còn nâng cao đời sống tinh thần bằng giáo dục*" (1), Paul Bert đã tự tay đôn đốc việc xây dựng trường sở và ra những chỉ thị cụ thể để chỉ đạo công tác giáo dục. Vì không tán thành việc bắt người Việt Nam bỏ hẳn chữ Hán để học chữ Pháp và chữ Quốc ngữ như các Đô đốc đã làm ở Nam Kỳ nên Paul Bert vẫn cho học sinh học chữ Hán. Chỉ trong một thời gian ngắn, Paul Bert đã tổ chức được một số trường học gọi là trường Pháp - Việt (hay còn gọi là trường Pháp - bản xứ), dạy tiếng Pháp và chữ Quốc ngữ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Theo kết quả điều tra của Kinh lược Bắc Kỳ (2) thì năm 1897, tính trên toàn địa bàn Bắc Kỳ, các trường Pháp - bản xứ mới chỉ được mở ở các thị xã và các thành phố và phần lớn học sinh đều là con nhà nghèo. Ở Hà Nội, theo Báo cáo số 706 ngày 26-6-1890 của Thanh tra Doumontier, phụ trách Sở Học chính Trung-Bắc Kỳ thì năm 1890, tức là vào khoảng hai năm sau khi chính thức trở thành "*nhượng địa*" của Pháp, toàn thành phố đã có một số trường Pháp - Việt như sau (3):

- Một trường Thông ngôn bản xứ với 30 học sinh, 2 giáo viên người Pháp và 2 giáo viên người Việt với mục đích đào tạo giáo viên tiểu học và thông ngôn nhưng theo

\* TS. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I.

Doumontier, trường này “*chỉ có thể đem lại kết quả nghiêm túc nếu người ta kéo dài thời gian học của học sinh ít nhất là trong 3 năm*” (4).

- Một trường tiểu học phụ (*École annexe du collège*) với 70 học sinh, 4 giáo viên người Việt. Đây là trường dành cho học sinh của các khu thuộc ngoại ô phía Bắc Hà Nội.

- Một trường sơ cấp (*École élémentaire*) với 120 học sinh, 4 giáo viên người Việt.

- Một trường tiểu học dành cho con trai người Âu (*École primaire pour les européens*) với 15 học sinh (trong đó học sinh người bản xứ nhiều hơn học sinh người Âu) và 1 giáo viên người Pháp sống tại Hà Nội.

- Một trường tiểu học con gái bản xứ và con gái người Âu (*école primaire pour les filles indigènes et européens*), nhưng học sinh lại có cả con trai người Âu và con lai từ 7 tuổi. Trường có 40 học sinh, 2 giáo viên người Pháp và 1 giáo viên người Việt. Hoạt động của Trường rất khó khăn, không theo được chương trình quy định như các trường tiểu học ở Nam Kỳ phần vì độ tuổi của học sinh trong trường không đồng đều, phần vì hàng ngũ giáo viên không ổn định. Việc tuyển học sinh con gái bản xứ rất khó khăn, bởi vì theo quan niệm của người bản xứ, chỉ có một trường dành cho con gái, đó là trường dạy cắt, may quần áo. Các giờ học thực hành của Trường do một cô giáo chuyên về cắt may đảm nhiệm.

- Một trường tiểu học (*école primaire*) dành cho người bản xứ với 230 học sinh và 6 giáo viên người Việt. Trường này đã mở được 5 năm (tức là vào khoảng năm 1885, trước khi Paul Bert đến Hà Nội), được Doumontier đánh giá là đã “*mang lại những kết quả tuyệt vời, hàng năm cung*

*cấp khoảng 50 nhân viên cho các cơ quan hành chính, quân sự, thương mại Pháp và Hoa*”. Tuy nhiên, theo Doumontier, cơ sở vật chất của trường này lại rất tồi tệ, lớp vừa thiếu, vừa bị dột nát, lại vừa bẩn thỉu đến nỗi “*không có một trường nào ở Bắc Kỳ ở trong tình trạng vệ sinh tồi tệ như trường tiểu học của Hà Nội*” (5). Nhưng điều đáng ngạc nhiên lại là chương trình học của trường này rất tốt, gần giống như chương trình của các trường tiểu học ở Pháp, có phần trội hơn vì có kiến thức Hán học cần thiết và những bài tập dịch tiếng Việt, Pháp và Hán. Mặc dù là người Việt, nhưng Giám đốc của Trường, theo đánh giá của Doumontier, đã làm tốt hơn một Giám đốc người Pháp về mọi phương diện.

- Hai trường tư, do các cha đạo ở Pháp tổ chức dưới sự giám sát của chính phủ chính quốc và đặt dưới sự kiểm tra của đạo luật ngày 15-3-1890, một dành cho người bản xứ (học sinh không phải đóng tiền) và một dành cho học sinh người Âu (học sinh phải đóng tiền).

Như vậy, so với các thành phố và các thị xã khác ở Việt Nam thì Hà Nội đứng đầu về số lượng trường học hệ Pháp - bản xứ trong giai đoạn này.

Còn ở các tỉnh, hầu hết các gia đình giàu có đều không muốn cho con vào học tại các trường Pháp - bản xứ, một phần “*vì tiếng Pháp học rất khó, phải mất từ 5 đến 6 năm học đối với những người thông minh, còn những người bình thường cũng phải mất từ 9 đến 10 năm*”; phần vì “*khi đã được nhận vào làm thông ngôn trong các công sở hành chính của Pháp đã là một chỗ làm tốt nhất mà chỉ với mức lương khởi điểm là 12 đồng/tháng*” (6). Nhưng điều quan trọng hơn cả là, dưới con mắt của người Việt Nam vào thời điểm đó, “*những người làm nghề thông ngôn này không bao giờ được coi*

trọng như những người được đứng trong hàng ngũ quan lại". Chính vì thế mà các gia đình khá giả thường thích cho con mình học chữ Hán để thi vào làm quan trong bộ máy hành chính bản xứ.

Điều đó đã dẫn tới một thực tế là việc dạy và học tiếng Pháp chỉ thực hiện được ở thành phố, còn ở nông thôn và hàng ngũ quan lại thì không có khả năng giao tiếp với chính quyền thuộc địa do không có tiếng Pháp. Đây thực sự là một bất lợi đối với chính quyền thuộc địa và hàng ngũ quan lại thân Pháp.

## II. MỤC TIÊU, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG HẬU BỔ Ở HÀ NỘI KHI MỚI THÀNH LẬP 1897

Để giải quyết tình hình trên, sau khi bàn bạc và thống nhất với Kinh lược Bắc Kỳ, Phó Toàn quyền Đông Dương là Fourès đã quyết định mở một lớp dạy chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp cho các Cử nhân, Tú tài và Ấm sinh, những người còn chưa có chức vụ gì trong bộ máy hành chính Nam triều, đang trong thời gian chờ bổ dụng (hậu bổ), nhằm "dễ dàng trong việc tuyển lựa quan lại, để họ phục vụ chính quyền thuộc địa một cách dễ dàng hơn, cần thiết hơn và ngay lập tức" (7).

Theo dự định của Fourès, lớp học này sẽ được mở liên tục ngay tại Nha Kinh lược Bắc Kỳ ở Hà Nội, và khóa đầu tiên sẽ nhận khoảng 30 hậu bổ đương chức (*hậu bổ en fonction*), được chọn trong số những người có "địa vị cao, thông minh nhất và có khả năng tiếp thu được môn học mới này" với thời gian học ban đầu là 6 tháng. Ngoài số "hậu bổ en fonction" ra, khóa đầu tiên sẽ nhận thêm một số Cử nhân, Tú tài và Ấm sinh vào học với tư cách là những học sinh tự do, nhằm mục đích bổ nhiệm họ vào làm

việc hoặc trong bộ máy hành chính, hoặc để phục vụ cho việc giảng dạy.

Trong công văn gửi Tư lệnh các đạo quan binh và Công sứ các tỉnh thuộc Bắc Kỳ về dự định mở Trường Hậu bổ ở Hà Nội (8), Fourès nhấn mạnh: việc giảng dạy các kiến thức sơ đẳng trong thời gian đầu có thể mất nhiều thời gian nên phải chú trọng đào tạo những đối tượng có khả năng hợp tác chặt chẽ với chế độ bảo hộ, dần dần tiến tới việc nghiên cứu, giảng dạy với một chương trình cao hơn, chuẩn bị xây dựng một cơ sở chắc chắn cho việc truyền bá tiếng Pháp, như vị trí của chữ Hán và chữ Quốc ngữ trong dân chúng.

Ngày 9-2-1897, Trường Hậu bổ đã chính thức được thành lập theo thông tư của Phó Toàn quyền Đông Dương và theo đề nghị của Kinh lược Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải (9). Về nguyên tắc, Trường chỉ nhận đào tạo cho những người đã có học vị về văn học như Cử nhân, Tú tài và con quan như ấm sinh, những người sẽ được bổ vào làm quan trong bộ máy hành chính Nam triều.

Trường đã làm lễ khai giảng khóa đầu tiên vào ngày 15-3-1897 tại khu văn phòng của Kinh lược Bắc Kỳ, ngay trong địa phận của Nha Kinh lược, bên cạnh đại lộ Rollandes (10). Mọi chi phí cho việc mở Trường Hậu bổ hoàn toàn do Kinh lược Bắc Kỳ lo liệu.

Theo quy định của Trường, việc học tập do Hoàng Trọng Phu, con trai Kinh lược Hoàng Cao Khải chỉ đạo (11). Phó sứ Bắc Kỳ, phụ trách Phòng các công việc liên quan đến người bản xứ thuộc Phủ Thống sứ Bắc Kỳ là Chéon chịu trách nhiệm trong các kỳ thi.

Trong khóa học đầu tiên, nội dung giảng dạy rất hạn chế, chỉ giới hạn trong việc tập đọc và viết chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp, giao

tiếp đơn giản bằng tiếng Pháp, chủ yếu dùng các thuật ngữ hành chính để giải thích sự thu thuế, sự nổi loạn, hay về đề điều... Thời gian học cũng chỉ giới hạn trong 6 tháng, hết thời hạn trên, học sinh phải qua một kỳ kiểm tra, nếu đạt sẽ được bổ nhiệm.

Khóa đầu tiên tuyển sinh không theo một nguyên tắc nhất định, vừa theo yêu cầu, vừa theo chức vụ, có 32 học sinh chính thức đang làm việc trong bộ máy hành chính bản xứ (trong thời gian học họ được hưởng nguyên lương) và 13 học sinh tự do (Cử nhân, Tú tài, Ấm sinh) (12), tổng số 45 học sinh trong độ tuổi sau:

Bảng 1: Số học sinh khóa I của Trường Hậu bổ

Độ tuổi	Số lượng học sinh chính thức	Số lượng học sinh tự do
47	1	0
46	1	0
40-45	7	0
43	không rõ	1
35-40	8	0
35-36	không rõ	2
30-35	13	6
28-30	1	0
27	1	0
25-30	0	2
22	0	1
18	0	1

Qua thống kê trên người ta dễ dàng nhận thấy, tuổi của học sinh tương đối cao, trong đó tuổi của học sinh chính thức cao hơn tuổi của học sinh tự do (tuổi cao nhất của học sinh chính thức là 47, của học sinh tự do là 43; thấp nhất của học sinh chính thức là 27, của học sinh tự do là 18).

Tuổi của học sinh đã cao, lại chỉ được học trong có 6 tháng với các bài học quá đơn giản nên khóa đầu tiên không thể đạt được kết quả. Theo báo cáo của Thanh tra Thuộc địa thì chỉ có 3 trong tổng số 45 học sinh đạt yêu cầu, trong đó có 2 học sinh tự do đạt kết quả cao nhất là Ấm sinh Ngô Khắc Thuận (18 tuổi) và Ấm sinh Nguyễn Thích (26 tuổi). Khóa đầu tiên kết thúc

cũng là lúc chức Kinh lược Bắc Kỳ đã bị bãi bỏ (13). Toàn bộ chức năng của Kinh lược sứ đã chuyển vào tay Thống sứ Bắc Kỳ, các nhân viên của Nha Kinh lược đã chuyển sang làm việc trong Phủ Thống sứ. Hoạt động của Trường Hậu bổ từ đây bước vào một giai đoạn mới, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thống sứ Bắc Kỳ, viên chức cao cấp nhất của chính quyền thuộc địa ở Bắc Kỳ và là người thay mặt Toàn quyền Đông Dương giải quyết mọi vấn đề trong đời sống chính trị, văn hóa, xã hội... của Bắc Kỳ.

### III. HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG HẬU BỔ SAU KHI ĐƯỢC TỔ CHỨC LẠI

#### 1. Thời kỳ 1903-1906

Rút kinh nghiệm rút ra được từ khóa học đầu tiên, chính quyền thuộc địa đã đầu tư nghiên cứu và ban hành một hệ thống văn bản về Trường Hậu bổ, từ quy định tuyển sinh đến chương trình đào tạo và các vấn đề thuộc về tổ chức, hoạt động của Trường. Nghị định số 735 ngày 20-6-1903 và cũng là văn bản đầu tiên của Thống sứ Bắc Kỳ tổ chức lại Trường Hậu bổ đã quy định những vấn đề sau (14):

- *Về điều kiện tuyển sinh*: Những người có bằng Cử nhân và Tú tài, có độ tuổi "không dưới 18 và không nhiều hơn 30" và phải vượt qua được kỳ kiểm tra kiến thức về quốc ngữ và tiếng Pháp mới được vào học tại Trường Hậu bổ.

- *Về số lượng học sinh*: Hàng năm Trường nhận 20 học sinh có học bổng (con số này có thể cao hơn theo quyết định của Thống sứ Bắc Kỳ). Ngoài ra, Trường còn nhận một số ấm sinh vào học với tư cách là những học sinh tự do (số học sinh này không quá 10 người mỗi năm).

- *Về thời gian học*: Thời gian học được quy định là 3 năm, mỗi năm học được nghỉ

2 tháng vào dịp Tết và dịp kết thúc mỗi năm học.

- *Về chế độ thi cử:* Kết thúc mỗi năm học, học sinh phải qua kỳ kiểm tra và hết 3 năm học thì phải qua một kỳ thi ra trường với các môn thi viết (bao gồm một bài chính tả tiếng Pháp, một bài dịch ngược, một bài dịch xuôi, các bài toán với 4 phép tính và hệ mét). Môn thi nói gồm một bài dịch miệng theo sách từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, trả lời các câu hỏi về vị trí địa lý, tổ chức hành chính và các sản phẩm của xứ Đông Dương và nói chung là tất cả những gì đã được học trong 3 năm ở trường. Thời gian thi tuyển sinh và thi tốt nghiệp sẽ do Thống sứ Bắc Kỳ quyết định.

Tuỳ theo kết quả đạt được trong kỳ thi tốt nghiệp, học sinh sẽ được gửi về các tỉnh và được nhận các chức vụ, hoặc chờ bổ dụng, hoặc Huấn đạo hay Giáo thụ và Tri huyện.

- *Về mặt tổ chức:* Trường Hậu bổ được đặt dưới sự chỉ đạo, kiểm tra và giám sát trực tiếp của Trưởng phòng 2 thuộc Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (Phòng các công việc bản xứ và hành chính các tỉnh).

Hai giáo sư và một trợ giảng người bản xứ được Thống sứ Bắc Kỳ bổ nhiệm và theo đề nghị của Trưởng phòng 2, chịu trách nhiệm tổ chức các kỳ thi theo chương trình học đã được sắp xếp.

Hội đồng Hoàn thiện Trường Hậu bổ (*Conseil de Perfectionnement de l' école des Hậu bổ*) được thành lập, chịu trách nhiệm đặc biệt về việc nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến chương trình đào tạo, nội quy và kỷ luật của Trường. Hội đồng bao gồm Giám đốc Trường làm Chủ tịch và hai quan lại cao cấp, họp mỗi tháng một lần theo triệu tập của Chủ tịch. Thành phần của Hội đồng được sửa đổi lại theo Nghị

định số 1379 ngày 24-10-1905 của Thống sứ Bắc Kỳ Groleaux. Hội đồng này đã có nhiều đóng góp vào việc nâng cao chương trình đào tạo trong giai đoạn từ 1903, kể từ khi Trường được tổ chức lại cho đến tận năm 1917.

- *Chế độ phụ cấp:* Nghị định số 1245 ngày 31-12-1897 của Toàn quyền Đông Dương quy định cấp cho mỗi học sinh theo học chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp tại trường Hậu bổ một khoản trợ cấp hàng tháng từ 30 lên 50 quan tiền (ligatures), kể từ 1-1-1898. Số tiền này được tăng lên thành 10 đồng Đông Dương/tháng theo Nghị định số 1378 ngày 29-4-1908.

Năm 1905, mục tiêu của Trường Hậu bổ đã được Hội đồng Hoàn thiện của Trường thay đổi lại và được nâng cao hơn, không đơn giản chỉ dạy chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp như thời gian đầu nữa mà nhằm “*đào tạo một ngạch viên chức người bản xứ có khả năng diễn đạt thích hợp tiếng Pháp, có kiến thức về những nguyên tắc chung của nền hành chính Pháp và hành chính bản xứ và những khái niệm bắt buộc về địa lý, toán học, nông nghiệp, vật lý...*” (15). Chính vì vậy nên chương trình giảng dạy của Trường đã phải thay đổi hơn rất nhiều trong các năm sau.

Dưới đây là bảng thống kê số lượng học sinh của Trường Hậu bổ trong thời kỳ này:

Bảng 2:

Số lượng học sinh Trường Hậu bổ thời kỳ 1903-1906

Năm	Số lượng	Số lượng	Số lượng	Tổng số
	Cử nhân	Tú tài	Ấm sinh	
1904	7	6	7	20
1905	5	12	11	38
1906	6	12	10	28

So sánh với số lượng học sinh trong khóa đầu tiên gồm 32 hậu bổ đương chức (*hậu bổ en fonction*) và 13 thí sinh tự do (Cử nhân, Tú tài, Ấm sinh) tổng cộng là 45 người, ta thấy về tổng số thì số học sinh đã giảm (từ 45 xuống 20-38-28) nhưng về số Cử nhân, Tú tài, Ấm sinh thì tăng lên đáng kể (từ 13 lên 20-38-28). Điều quan trọng là độ tuổi trung bình của số học sinh này tương đối ổn định, từ 18 đến 30 tuổi.

## 2. Thời kỳ 1906-1917

Thời kỳ này, chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương đã tiến hành hai cuộc cải cách giáo dục. Trong cuộc cải cách giáo dục lần thứ Nhất, về nguyên tắc, Trường Hậu bổ Hà Nội đã được đặt trong tổ chức chung của Đại học Đông Dương (16). Nhưng trên thực tế, Trường vẫn chịu sự chỉ đạo, kiểm tra và giám sát trực tiếp của Trưởng phòng 2 thuộc Phủ Thống sứ Bắc Kỳ.

Để đạt được mục tiêu do Hội đồng Hoàn thiện của Trường đề ra năm 1905, ngày 10-9-1906, Thống sứ Bắc Kỳ đã ký Nghị định số 1277, quy định chặt chẽ hơn nữa các điều kiện tuyển sinh và các môn thi vào trường, số điểm thi tốt nghiệp... Theo Nghị định này, các kỳ thi tuyển sinh sẽ được tổ chức vào nửa đầu tháng Tư hàng năm. Học sinh tốt nghiệp Trường Hậu bổ sẽ được gửi về các tỉnh và được bổ dụng làm Tri huyện tập sự (*Tri huyện stagiaire*). Những người không đạt được số điểm yêu cầu trong kỳ thi tốt nghiệp, nhưng có điểm trong suốt 3 năm học ở Trường sẽ được bổ dụng làm Huấn đạo (17).

Về chương trình học, Nghị định số 1277 quy định như sau:

- *Năm thứ nhất*: Học sinh được học Ngữ pháp tiếng Pháp, Địa lý, Toán, Nông

ngiệp và những kiến thức cần thiết khác, trong đó môn tiếng Pháp chiếm một phần lớn thời gian. Trong năm học này, học sinh phải học thuộc lòng rất nhiều từ, viết nhiều chính tả với các bài ngắn, rõ ràng, dễ hiểu, có áp dụng các bài tập ngữ pháp. Cách học này cho phép hết năm thứ nhất, học sinh có thể hiểu được tiếng Pháp một cách nhanh chóng.

Ngoài ra, học sinh phải làm các bài tập về dịch tiếng Pháp sang tiếng Việt, dịch từ chữ Quốc ngữ sang chữ Hán, phải soạn các bài đơn giản bằng tiếng Pháp theo các chủ đề địa lý và các kiến thức sơ đẳng khác đã được học trong chương trình nhằm làm cho học sinh có thể tư duy và diễn đạt bằng tiếng Pháp. Nhiều cuộc hội thoại bằng tiếng Pháp được tổ chức nhằm mục đích giúp học sinh nói thạo tiếng Pháp ở mức độ "*dưới khả năng nói tiếng Việt*".

- *Năm thứ hai*: Ngoài chương trình như ở năm thứ nhất được nâng cao, học sinh phải học bổ sung thêm các kiến thức về tổ chức hành chính chung của toàn Đông Dương, của Bắc Kỳ, và tổ chức hành chính bản xứ.

Yêu cầu của môn tiếng Pháp được nâng cao, ngoài các bài chính tả, dịch... như ở năm thứ nhất, học sinh phải học thuộc nhiều từ mới hơn để có thể viết các báo cáo ngắn về chủ đề tổ chức hành chính bản xứ.

- *Năm thứ ba*: Học sinh tiếp tục theo chương trình của hai năm trước nhưng ở mức độ sâu hơn, đặc biệt là về tổ chức hành chính (môn học về tổ chức hành chính chiếm vị trí thứ hai sau tiếng Pháp). Trong năm học cuối, học sinh thường xuyên phải viết báo cáo bằng tiếng Pháp. Ngoài ra, học sinh còn được đi tham quan một số cơ sở công nghiệp công và tư ở Hà Nội.

Vì trong mục tiêu của Trường có quy định học sinh được học cả những *khái niệm bắt buộc về Địa lý, Toán học, Nông nghiệp, Vật lý...* nên trong chương trình của năm cuối cùng, học sinh phải làm thực hành về môn kỹ thuật đo đạc ruộng đất.

Nội dung đào tạo của Trường liên tục được cải cách, nâng cao, nhưng vẫn nhằm mục đích đào tạo những người "*hoặc làm việc trong bộ máy hành chính, hoặc để phục vụ cho việc giảng dạy*" như ban đầu đã vạch ra. Theo Nghị định số 554 ngày 14-4-1909 và theo đề nghị của Hội đồng Hoàn thiện Trường, lớp Giáo ban (Section Normale) được thành lập nhằm mục đích đào tạo về sư phạm cho các Huấn đạo và Giáo thụ đương chức tại các tỉnh để họ có khả năng đảm bảo việc giảng dạy ở bậc hai (2<sup>e</sup> degré) hệ giáo dục bản xứ đã được tổ chức lại theo Nghị định ngày 16-11-1906" (18). Để được theo học, thí sinh của lớp Giáo ban phải viết cam kết phục vụ 10 năm trong ngành giáo dục, nếu không sẽ phải hoàn lại số tiền học bổng đã lĩnh trong thời gian học ở Trường. Chương trình của lớp Giáo ban học trong 2 năm.

Để phân biệt với lớp Giáo ban này, lớp học được mở từ trước cho các học sinh chính thức như Cử nhân, Tú tài và học sinh tự do như Ấm sinh được gọi là lớp Hành chính (Section Administrative)

Kỳ thi vào lớp Giáo ban khóa đầu tiên vào tháng 8- 1910 với các môn thi sau (19):

+ *Thi viết:*

- Viết một bài bằng chữ Hán về chủ đề văn học, đạo đức hoặc lịch sử, điểm hệ số 5.

- Viết một bài bằng chữ Quốc ngữ về chủ đề địa lý hoặc khoa học (chương trình bậc 1), điểm hệ số 4.

- Các bài toán đơn giản về 4 phép tính theo hệ mét, điểm hệ số 2.

+ *Thi nói:*

- Trả lời các câu hỏi về địa lý (điểm hệ số 2) và về khoa học (điểm hệ số 3).

Năm 1912, theo Nghị định ngày 16-4, Trường Hậu bổ đổi tên thành Trường Sĩ hoạn (*école des Mandarins*). Cũng trong năm 1912, bằng hai Nghị định ngày 18-4 và 17-8, ban A (*division A*) của lớp Hành chính đã được thành lập. Tiếp theo, bằng Nghị định ngày 8-1-1914, ban B (*division B*) của lớp Hành chính cũng được thành lập. Chương trình thi và kiểm tra của ban B được xác định bằng Nghị định ngày 8-1-1914 và được sửa đổi bởi Nghị định số 1085 ngày 24-5-1916 như sau:

a. *Thi đầu vào:*

+ *Thi viết:*

- Viết một bài tiếng Pháp theo cách thi lấy bằng Trung học Bỏ túc hệ Pháp-Việt, làm trong 4 giờ, điểm hệ số 5.

- Dịch một bài chữ Quốc ngữ sang tiếng Pháp, làm trong 2 giờ, điểm hệ số 2.

- Dịch một bài tiếng Pháp sang tiếng Việt, làm trong 2 giờ, điểm hệ số 2.

+ *Thi nói:*

- Dịch một bài tiếng Pháp sang tiếng Việt, điểm hệ số 2.

- Dịch một bài tiếng Việt sang tiếng Pháp, điểm hệ số 2.

- Trả lời câu hỏi về địa lý Đông Dương, điểm hệ số 2.

- Trả lời câu hỏi về lịch sử Việt Nam, điểm hệ số 2.

Điểm trung bình: 12.

*b. Thi cuối năm:*

+ Thi viết:

- Một bài văn nghị luận bằng tiếng Pháp theo chủ đề lấy từ các giờ học về hành chính, học sinh chọn 1 trong 3 đề, làm trong 4 giờ, điểm hệ số 5.

- Dịch một bài chữ Hán, chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp, làm trong 4 giờ, điểm hệ số 2.

- Dịch một bài chữ Quốc ngữ sang chữ Hán, làm trong 2 giờ, điểm hệ số 1.

+ Thi nói:

- Trả lời câu hỏi về các bài được học trong năm, điểm hệ số 3.

- Giải thích một bài tiếng Pháp, điểm hệ số 2.

Điểm trung bình: 12.

*c. Thi tốt nghiệp:*

+ Thi viết:

- Một bài văn nghị luận bằng tiếng Pháp theo chủ đề lấy từ các giờ học về hành chính, học sinh chọn 1 trong 3 đề, làm trong 4 giờ, điểm hệ số 5.

- Một bài báo cáo soạn bằng chữ Hán về chủ đề hành chính, làm trong 4 giờ, điểm hệ số 3.

+ Thi nói:

- Trả lời câu hỏi về các bài được học trong năm, điểm hệ số 3.

- Giải thích một bài tiếng Pháp, điểm hệ số 2.

Điểm trung bình: 12.

Năm 1917, trong cuộc cải cách giáo dục lần thứ Hai, theo quy định của bộ "Học chính tổng quy" (*Règlement général de l'Instruction publique*) do Toàn quyền Albert Sarraut ban hành bằng Nghị định ngày 21-12-1917, Trường Sĩ hoạn ở Hà Nội (*École des Mandarins à Hanoi*) và trường Hậu bổ ở Huế (*Ecole d'Administration à Hué*) là những trường chuyên đào tạo quan lại đã ngừng hoạt động và được tổ chức lại trực thuộc Giám đốc Đại học Đông Dương quản lý.

Từ những thông tin trên, chúng ta có thể đi đến kết luận sau:

- Trường Hậu bổ do chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương thành lập ra từ năm 1897.

- Thông qua mục đích ban đầu của Trường là "truyền bá tiếng Pháp và chữ quốc ngữ cho các Cử nhân, Tú tài và Ấm sinh" nhằm đào tạo họ để bổ nhiệm họ "hoặc vào làm việc trong bộ máy hành chính, hoặc để phục vụ cho việc giảng dạy", chính quyền thuộc địa Pháp muốn từng bước xác lập vị trí của tiếng Pháp trong đời sống văn hóa và chính trị của Việt Nam, tạo ra một hệ thống quan lại người Việt thân Pháp, nhằm đẩy nhanh quá trình "binh định" Bắc Kỳ để hoàn thành công cuộc xâm lược Việt Nam và tiến tới nô dịch nhân dân Việt Nam bằng văn hóa.

- Bằng việc không ngừng tổ chức lại Trường và nâng cấp chương trình đào tạo, chính quyền thuộc địa đã từng bước "hiện đại hoá" Trường Hậu bổ và làm cho Trường hòa nhập được vào nền giáo dục Việt Nam thời kỳ Cận đại, kể từ khi việc giảng dạy bằng chữ Hán bị bãi bỏ hoàn toàn và cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai được tiến hành vào năm 1917.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải thừa nhận rằng, chỉ trong khoảng thời gian 20 năm, ở một xứ thuộc địa mà người Pháp đã làm được những việc như vậy là một sự cố gắng lớn. Tuy rằng mục tiêu của người

Pháp trong việc thành lập Trường Hậu bổ là đào tạo đội ngũ nhân viên phục vụ nền hành chính thuộc địa song việc du nhập kiến thức khoa học và phương pháp hành chính mới cũng có tác dụng nhất định đối với xã hội Việt Nam thời kỳ này.

(Xem tiếp trang 11)